

**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH**



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO/  
CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC NGÀNH NỘI KHOA  
TRÌNH ĐỘ BÁC SĨ NỘI TRÚ**

**THÁI BÌNH, NĂM 2023**

BỘ Y TẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC  
THÁI BÌNH

Số: 1386 /QĐ-YDTB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 15 tháng 9 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành các Chương trình đào tạo/chương trình dạy học trình độ sau đại học

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

Căn cứ Quyết định số 34/CP ngày 24 tháng 01 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 2154/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Thái Bình thành Trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Kế hoạch số 618/KH-YDTB ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc rà soát chương trình đào tạo/chương trình dạy học trình độ sau đại học;

Căn cứ vào biên bản họp Hội đồng Khoa học Giáo dục và Đào tạo của Trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành các Chương trình đào tạo/chương trình dạy học trình độ sau đại học sau khi cập nhật năm 2023 (Danh mục và Bản mô tả chương trình đào tạo/chương trình dạy học đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng phòng QLĐTSDH, các Khoa, Bộ môn và các Đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu Văn thư, QLĐTSDH.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Duy Cường

## DANH MỤC

Chương trình đào tạo/chương trình dạy học trình độ sau đại học

của Trường Đại học Y Dược Thái Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1386../QĐ-YDTB, ngày 15 tháng 9 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Thái Bình)

STT	Trình độ đào tạo/chuyên ngành	Mã số
<b>A</b>	<b>Tiến sĩ</b>	
1	Y tế công cộng	9.72.07.01
2	Y học dự phòng	9.72.01.63
<b>B</b>	<b>Chuyên khoa cấp II</b>	
1	Nội khoa	CK 62.72.20.40
2	Ngoại khoa	CK 62.72.07.01
3	Sản khoa	CK 62.72.13.03
4	Chấn thương chỉnh hình	CK 62.72.07.25
5	Y học cổ truyền	CK 62.72.60.01
6	Quản lý Y tế	CK 62.72.76.05
<b>C</b>	<b>Bác sĩ nội trú</b>	
1	Nội khoa	NT. 62.72.20.50
2	Ngoại khoa	NT. 62.72.07.50
3	Sản Phụ khoa	NT. 62.72.13.01
4	Y học cổ truyền	NT. 62.72.60.01
<b>D</b>	<b>Thạc sĩ</b>	
1	Ngoại khoa	8.72.01.04
2	Y tế Công cộng	8.72.07.01
3	Dinh dưỡng	8.72.04.03
	Y học dự phòng	8.72.01.63
<b>E</b>	<b>Chuyên khoa cấp I</b>	
1	Nội khoa	60.72.20
2	Ngoại khoa	60.72.07
3	Sản phụ khoa	60.72.13
4	Nhi	60.72.16
5	Y học cổ truyền	60.72.60
6	Mắt	60.72.56
7	Răng Hàm Mặt	60.72.28
8	Tai Mũi Họng	60.72.53
9	Y tế công cộng	60.72.03
10	Y học dự phòng	60.72.73
11	An toàn thực phẩm	60.72.73.20

## MỤC LỤC

I. Thông tin chung (General Information).....	2
II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO) .....	3
III. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome - PLO).....	4
IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo .....	6
V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp .....	7
VI. Cấu trúc chương trình (Curriculum Structure).....	9
VII. Tiến trình dạy - học (Curriculum Mapping) CTĐT BSNT Nội khoa .....	10
VIII. Mức độ đóng góp của các học phần/module vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo .....	11
IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo .....	12
X. Đánh giá kết quả học tập (Learning Assessment).....	13
XI. Đối sánh (Benchmarking) .....	14
XII. Mô tả tóm tắt các học phần/module thuộc chương trình đào tạo .....	15
XIII. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo .....	19

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO/CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC  
NGÀNH NỘI KHOA TRÌNH ĐỘ BÁC SĨ NỘI TRÚ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1386/QĐ-YDTB ngày 15/9/2023 của Hiệu trưởng  
Trường Đại học Y Dược Thái Bình)*

**I. Thông tin chung (General Information)**

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: Trường Đại học Y Dược Thái Bình.
2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: Trường Đại học Y Dược Thái Bình.
3. Tên chương trình đào tạo
  - Tên tiếng Việt: Nội khoa
  - Tên tiếng Anh: Internal Medicine
4. Thông tin về kiểm định: *Trường đã được cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo Quyết định số 92/QĐ-KĐCLGD ngày 29/6/2018 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường Đại học cao đẳng Việt Nam.*
5. Trình độ đào tạo: Bác sĩ nội trú
6. Ngành đào tạo: Nội khoa
7. Mã ngành đào tạo: NT 62722050
8. Thời gian đào tạo: 03 năm
9. Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
10. Hình thức đào tạo: Chính quy
11. Danh hiệu văn bằng
  - Tên tiếng Việt: Bác sĩ nội trú ngành Nội khoa
  - Tên tiếng Anh: Resident doctor of Internal medicine

**II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)**

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu <i>Người học sau khi tốt nghiệp:</i>	Phù hợp		
		<i>Sứ mạng</i>	<i>Tâm nhìn</i>	<i>Luật Giáo dục Đại học</i>
<b>I. Kiến thức</b>				
PEO 1	Có khả năng độc lập nghiên cứu khoa học, hướng dẫn sinh viên NCKH về nội khoa	x		x
PEO 2	Xây dựng chương trình, tham gia biên soạn giáo trình, tham gia giảng dạy đại học và sau đại học chuyên ngành nội khoa	x		
PEO 3	Cập nhật được kiến thức trong lĩnh vực nội khoa		x	
PEO 4	Trình bày được một số kỹ thuật thường ứng dụng trong chẩn đoán và điều trị các bệnh Nội khoa	x		
<b>II. Kỹ năng</b>				
PEO 5	Thực hành tốt nhiệm vụ chẩn đoán, xử lý, tiên lượng và dự phòng các bệnh Nội khoa thường gặp	x		
PEO 6	Chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm, kỹ thuật thăm dò chức năng lâm sàng phục vụ cho chẩn đoán và điều trị một số bệnh Nội khoa thường gặp	x		
PEO 7	Thực hành thành thạo một số thủ thuật Nội khoa, các thiết bị y tế thông thường trong chẩn đoán và điều trị.	x	x	
<b>III. Thái độ</b>				
PEO 8	Thể hiện thái độ đúng đắn trong việc thực hiện các nguyên lý của điều trị nội khoa		x	
PEO 9	Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân		x	
PEO 10	Tôn trọng pháp luật và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, trung thực, khách quan,		x	

	có ý thức học tập và trau dồi kiến thức			
PEO 11	Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp		x	
PEO 12	Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời		x	

### III. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome - PLO)

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Người học tại thời điểm tốt nghiệp:</i>	Phân loại	
		<i>Chuẩn đầu ra chung</i>	<i>Chuẩn đầu ra chuyên biệt</i>
<b>I. Kiến thức</b>			
PLO 1	Vận dụng được kiến thức triết học, đường lối, chính sách của Đảng trong thực hành nghề nghiệp	x	
PLO 2	Vận dụng được các kiến thức về kinh tế, văn hóa – xã hội theo đặc thù từng khu vực trong thực hành nghề nghiệp		x
PLO 3	Vận dụng được các kiến thức về y học cơ sở, chuyên ngành nội khoa và nghiên cứu khoa học trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân	x	
PLO 4	Vận dụng được kiến thức về phương pháp giảng dạy để hướng dẫn đồng nghiệp và hướng dẫn thực hành cho các lớp sinh viên đào tạo bậc đại học, tham gia đào tạo liên tục cho tuyến dưới	x	
PLO 5	Vận dụng được phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong nghiên cứu các vấn đề về chuyên ngành nội khoa	x	
<b>II. Kỹ năng</b>			
PLO 6	Thực hành tốt nhiệm vụ chẩn đoán, xử lý, tiên lượng và dự phòng các bệnh Nội khoa thường gặp		x
PLO 7	Chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm, kỹ thuật thăm dò chức năng lâm sàng phục vụ cho chẩn đoán và điều trị một số bệnh Nội khoa thường gặp		x

PLO 8	Thực hành thành thạo một số thủ thuật Nội khoa, các thiết bị y tế thông thường trong chẩn đoán và điều trị.		x
PLO 9	Hướng dẫn đồng nghiệp trong thực hành nghề nghiệp, thực hiện được đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực Nội khoa		x
PLO 10	Giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và gia đình người bệnh.	x	
PLO 11	Phối hợp tốt với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động nghề nghiệp	x	
PLO 12	Thực hành tốt nhiệm vụ chẩn đoán, xử lý, tiên lượng và dự phòng các bệnh Nội khoa thường gặp		x
<b>III. Mức tự chủ và trách nhiệm</b>			
PLO 13	Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp	x	
PLO 14	Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời	x	
PLO 15	Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa, phong tục tập quán của cộng đồng các dân tộc trong hoạt động nghề nghiệp	x	



**IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)														
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15
PEO 1	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X		X	
PEO 2	X	X	X		X	X	X		X	X	X	X			X
PEO 3	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X
PEO 4	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X		
PEO 5	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			X		
PEO 6										X	X				
PEO 7				X						X				X	
PEO 8		X	X	X	X	X	X	X	X			X	X		X
PEO 9						X	X	X	X						
PEO 10							X		X						
PEO 11							X	X	X						
PEO 12							X			X					

## V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

### 1. Thông tin tuyển sinh

#### 1.1. Điều kiện dự tuyển

Các Bác sĩ tốt nghiệp hệ chính qui dài hạn (chỉ được dự thi 1 lần ngay sau khi tốt nghiệp đại học) có đủ các điều kiện sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành học tương ứng với chuyên ngành đăng ký dự thi (Y khoa/Y đa khoa), đạt loại khá trở lên (điểm trung bình chung môn chuyên ngành dự thi phải đạt từ khá trở lên).

- Trong các năm học đại học không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, không bị dừng học tập (trừ vì lý do sức khỏe).

- Bác sĩ tốt nghiệp đại học đạt loại xuất sắc, có đủ các điều kiện trên được xét miễn thi.

#### 1.2. Môn thi tuyển: Ôn thi 8 môn, dự thi 5 môn theo hình thức thi tự luận

- Môn thi 1: Toán thống kê theo chương trình ở bậc đại học.

- Môn thi 2: Ngoại ngữ thi tiếng Anh trình độ B. Thí sinh đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 trở lên theo (khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương) được miễn thi tuyển môn Ngoại ngữ nhưng phải dự thi đạt chuẩn đầu ra. Thí sinh đạt trình độ bậc 4 của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam được miễn học, miễn thi.

- Môn thi 3: chọn 1 trong 4 môn: Giải phẫu, Sinh lý, Hoá sinh, Y sinh học di truyền theo chương trình ở bậc đại học. Trước khi thi đại diện thí sinh sẽ bốc thăm để chọn môn thi.

- Môn thi 4: Nội khoa theo chương trình ở bậc đại học.

- Môn thi 5: Nhi khoa theo chương trình ở bậc đại học.

### 2. Điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế đào tạo trình độ Bác sĩ nội trú của Bộ Y tế, ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BYT ngày 04/07/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- **Điều kiện thi tốt nghiệp:** Học viên được dự thi tốt nghiệp sau khi hoàn thành chương trình đào tạo BSNT quy định tại Điều 12 và đạt điểm kết thúc các môn học/học phần quy định tại Điều 13, không vi phạm kỷ luật trong quá trình học tập.

- **Thi tốt nghiệp** gồm bảo vệ luận văn, môn chuyên ngành, môn ngoại ngữ:

+ Bảo vệ luận văn: Luận văn được trình bày trước hội đồng chấm luận văn trong 20 phút.

+ Môn thi chuyên ngành: thi lý thuyết và thực hành. Điểm của mỗi phần được giữ độc lập.

+ Môn ngoại ngữ (trình độ C, có phần ngoại ngữ chuyên ngành).

Các điểm thi tốt nghiệp đều phải đạt từ 7 điểm trở lên (thang điểm 10).

**- Hội đồng thi tốt nghiệp:**

+ Hội đồng thi tốt nghiệp gồm 5 thành viên do Hiệu trưởng quyết định thành lập.

+ Chủ tịch Hội đồng thi tốt nghiệp thành lập hội đồng chấm luận văn, hội đồng chấm môn chuyên ngành và hội đồng chấm môn ngoại ngữ.

+ Hội đồng chấm luận văn gồm 5 thành viên có 2 Người nhận xét và có ít nhất 2 thành viên không thuộc cơ sở đào tạo.

## VI. Cấu trúc chương trình (Curriculum Structure)

TT	Mã học phần/ Module	Tên học phần/Module	Tổng số ĐVHT (%)	Số giờ học			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung: 23 (15,3%)</b>									
1	NTCHG - 001	Triết học	3 (3/0)	45	0		-	-	-	1
2	NTCHG - 002	Tin học Y học	2 (1/1)	15	30		-	-	-	1
3	NTCHG - 003	PP dạy học	3 (1/2)	15	60		-	-	-	1
4	NTCHG - 004	PP NCKH	3 (1/2)	15	60		-	-	-	1
5	NTCHG - 005	Tiếng Anh	12 (6/6)	90	180		-	-	-	1
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ: 21 (14,0%)</b>									
<b>2.1</b>	<b>Học phần/module bắt buộc: 10</b>									
6	NTNOI - 101	Sinh lý học	3 (3/0)	45	0		-	-	-	1
7	NTNOI - 102	Miễn dịch	3 (3/0)	45	0		-	-	-	2
8	NTNOI - 103	Giải phẫu bệnh	3 (3/0)	45	0		-	-	-	2
9	NTNOI - 104	Hồi sức cấp cứu	6 (2/4)	30	120		-	-	-	2
10	NTNOI - 105	Truyền nhiễm	6 (2/4)	30	120		-	-	-	2
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức chuyên ngành: 81 (54,0%)</b>									
<b>3.1</b>	<b>Học phần/module bắt buộc: 71</b>									
11	NTNOI - 2801	Tim mạch	12 (4/8)	60	240		-	-	-	2-3
12	NTNOI - 2802	Cơ-Xương-Khớp	9 (3/6)	45	180		-	-	-	3
13	NTNOI - 2803	Tiêu hoá	12 (4/8)	60	240		-	-	-	3
14	NTNOI - 2804	Hô hấp	11 (3/8)	45	240		-	-	-	4
15	NTNOI - 2805	Huyết học	9 (2/7)	30	210		-	-	-	4
16	NTNOI - 2806	Thận - tiết niệu	10 (3/7)	45	210		-	-	-	4-5
17	NTNOI - 2807	Nội tiết	8 (2/6)	30	180		-	-	-	5
<b>3.2</b>	<b>Học phần/Module tự chọn: 10 (chọn 2 trong 4 môn)</b>									
18	NTNOI - 2901	Tâm thần kinh	10 (2/8)	30	240		-	-	-	5
19	NTNOI - 2902	Lão khoa	10 (2/8)	30	240		-	-	-	5
<b>IV</b>	<b>Tốt nghiệp: 25 (16,7)</b>									
20	NTNOI - 401	Luận văn	25 (25/0)	375	0		-		-	5-6
<b>Tổng cộng</b>			<b>150 (73/77)</b>	<b>1095</b>	<b>1155</b>					

**VII. Tiến trình dạy - học (Curriculum Mapping) CTĐT BSNT Nội khoa**

Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3
<div style="border: 1px solid black; padding: 2px; margin-bottom: 5px; width: fit-content; margin-left: auto; margin-right: auto;">Triết học</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; margin-bottom: 5px; width: fit-content; margin-left: auto; margin-right: auto;">Tiếng Anh</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; margin-bottom: 5px; width: fit-content; margin-left: auto; margin-right: auto;">Tin học</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; margin-bottom: 5px; width: fit-content; margin-left: auto; margin-right: auto;">PP NCKH</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; margin-bottom: 5px; width: fit-content; margin-left: auto; margin-right: auto;">PPGD</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; margin-bottom: 5px; width: fit-content; margin-left: auto; margin-right: auto;">Sinh lý học</div>	<div style="border: 1px solid black; padding: 2px; margin-bottom: 5px; width: fit-content; margin-left: auto; margin-right: auto;">Miễn dịch</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; margin-bottom: 5px; width: fit-content; margin-left: auto; margin-right: auto;">Giải phẫu bệnh</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; margin-bottom: 5px; width: fit-content; margin-left: auto; margin-right: auto;">Hồi sức cấp cứu</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; margin-bottom: 5px; width: fit-content; margin-left: auto; margin-right: auto;">Truyền nhiễm</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; margin-bottom: 5px; width: fit-content; margin-left: auto; margin-right: auto;">Tim mạch (6)</div>	<div style="border: 1px solid black; padding: 2px; margin-bottom: 5px; width: fit-content; margin-left: auto; margin-right: auto;">Tim mạch (6)</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; margin-bottom: 5px; width: fit-content; margin-left: auto; margin-right: auto;">Cơ xương khớp</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; margin-bottom: 5px; width: fit-content; margin-left: auto; margin-right: auto;">Tiêu hóa</div>
<b>26 ĐVHT</b>	<b>18+7=25 ĐVHT</b>	<b>5+21=26 ĐVHT</b>

Kỳ 4	Kỳ 5	Kỳ 6
<div style="border: 1px solid black; padding: 2px; margin-bottom: 5px; width: fit-content; margin-left: auto; margin-right: auto;">Hô hấp</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; margin-bottom: 5px; width: fit-content; margin-left: auto; margin-right: auto;">Huyết học</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; margin-bottom: 5px; width: fit-content; margin-left: auto; margin-right: auto;">Thận - Tiết niệu (4)</div>	<div style="border: 1px solid black; padding: 2px; margin-bottom: 5px; width: fit-content; margin-left: auto; margin-right: auto;">Thận - Tiết niệu (6)</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; margin-bottom: 5px; width: fit-content; margin-left: auto; margin-right: auto;">Nội tiết</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; margin-bottom: 5px; width: fit-content; margin-left: auto; margin-right: auto;">Tự chọn</div>	<div style="border: 1px solid black; padding: 2px; margin-bottom: 5px; width: fit-content; margin-left: auto; margin-right: auto;">LVTN</div>
<b>20+4 ĐVHT</b>	<b>6+18=24 ĐVHT</b>	<b>25 ĐVHT</b>





**X. Đánh giá kết quả học tập (Learning Assessment)**

**1. Hình thức, nội dung đánh giá**

**\* Với các môn có 1 điểm kết thúc học phần**

Đánh giá	Nội dung đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần	Được đánh giá căn cứ vào việc đi học đầy đủ, đúng giờ và có chuẩn bị bài trước giờ học. Mức định điểm chuyên cần của mỗi học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm.	10%
Giữa học phần	Lịch kiểm tra giữ học phần được công bố trước ngày kiểm tra ít nhất 2 tuần dưới một trong các hình thức: tự luận, tự luận kết hợp trắc nghiệm khách quan, thao tác trên máy tính hoặc viết một chuyên đề nhỏ (được quy định chi tiết trong đề cương môn học)	20%
Kết thúc học phần/module	Học viên phải tham dự được ít nhất 80% số tiết học, có bài kiểm tra giữa học phần đủ điều kiện theo quy định mới được dự thi. Nếu hoãn thi, đủ các điều kiện duyệt thi sẽ được duyệt thi vào lần kế tiếp. Điểm học phần sẽ được tính như sau: $DHP = 0,1 * CC + 0,2 * GHP + 0,7 * CHP$	70%

**\* Với các môn có 2 điểm kết thúc học phần (lý thuyết và thực hành lâm sàng)**

**- Hình thức thi tự luận câu hỏi ngắn**

Điểm thi lý thuyết sẽ được tính như sau:  $DLT = 0,1 * CC + 0,2 * GHP + 0,7 * CHP$

**- Hình thức thi vấn đáp (thi lâm sàng)**

Điểm thi thực hành lâm sàng sẽ được tính như sau:  $DLT = 0,5 * \text{điểm bệnh án} + 0,5 * \text{điểm trả lời câu hỏi}$



**2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

Đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)														
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15
Viết cải tiến	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X		
Nghe, Nói, đọc, viết (tiếng Anh)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			X		
Vấn đáp	X	X	X	X	X	X	X		X						
Thực hành trên máy tính				X	X				X						
Viết chuyên đề và thuyết trình		X	X	X	X	X	X	X	X			X	X		X

**XI. Đối sánh (Benchmarking)**

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong và ngoài nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng CTĐT:

Mô tả	Trường ĐHYD Thái Bình		Trường ĐHY Hà Nội		Trường ĐHYD TP HCM		Trường ĐHYD Hải Phòng	
	ĐVT	Tỉ lệ (%)	ĐVT	Tỉ lệ (%)	ĐVT	Tỉ lệ (%)	ĐVT	Tỉ lệ (%)
Khối kiến thức chung	23	15,3	7	7,0	22	14,7	5	5,0
Khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ	21	14,0	12	12,0	23	15,3	11	11,0
Khối kiến thức chuyên ngành	71	47,3	61	61,0	77	51,3	50	50,0
Tự chọn	10	6,7	6	6,0	0	0	15	15,0
Tốt nghiệp	25	16,7	20	20,0	28	18,7	19	19,0
<b>Tổng</b>	<b>150</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>150</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

## **XII. Mô tả tóm tắt các học phần/module thuộc chương trình đào tạo**

### **1. Triết học**

Triết học là môn khoa học trang bị cho mỗi học viên thế giới quan và phương pháp luận khoa học trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. Học viên cần vận dụng những nguyên lý cơ bản của triết học Mác – Lê nin để nghiên cứu và vận dụng trong hoạt động chuyên môn của mình.

### **2. Tiếng Anh**

Tiếng Anh là môn học quan trọng trong chương trình đào tạo sau đại học, nhằm trang bị cho người học những kỹ năng về ngữ pháp, từ vựng, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, dịch, đặc biệt là tiếng Anh chuyên ngành, đáp ứng với khả năng tự nghiên cứu, tự đào tạo sau này của học viên.

### **3. Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Môn Phương pháp nghiên cứu khoa học là môn học bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Y tế công cộng. Học phần/module Phương pháp nghiên cứu khoa học thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học I của CTĐT. Học phần/module này sẽ trang bị cho người học kỹ năng làm nghiên cứu khoa học. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là học lý thuyết trên lớp, thảo luận nhóm, Nghiên cứu và nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm viết chuyên đề và báo cáo chuyên đề. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra mức độ cao của chương trình đào tạo.

### **4. Phương pháp giảng dạy**

Phương pháp dạy học là môn học giảng dạy về phương pháp luận, phương pháp dạy/học trong Y học. Môn học nhằm trang bị cho học viên các kiến thức cơ bản về phương pháp luận và những phương pháp dạy/học tích cực áp dụng trong dạy/học lý thuyết và lâm sàng.

### **5. Tin học Y học**

Môn học này trang bị cho học viên các kỹ năng xử lý, phân tích số liệu thống kê y học giúp học viên có khả năng thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học của bản thân. Bên cạnh đó, môn học giúp học viên đạt được các kỹ năng cần thiết trong việc thiết kế, trình bày các kết quả nghiên cứu, báo cáo khoa học.

## **6. Sinh lý học**

Môn sinh lý là môn cần thiết để giảng cho bác sĩ, là một trong những môn cơ sở, nền tảng cho việc học các môn chuyên ngành. Môn học này trang bị cho học viên kiến thức cơ bản, có hệ thống, áp dụng cho các môn chuyên ngành Ngoại khoa trong việc chẩn đoán và điều trị bệnh. Một số nội dung đã được học ở bậc đại học, tại bậc học này học viên được bổ sung kiến thức, được cập nhật, mở rộng và nâng cao.

## **7. Miễn dịch**

Là môn học cơ sở, nền tảng cho việc học tập các môn chuyên ngành. Môn học này trang bị cho học viên kiến thức cơ bản, hệ thống, cập nhật áp dụng cho các môn chuyên ngành trong chẩn đoán và điều trị bệnh. Nội dung ở phần này bao gồm những kiến thức cập nhật, học viên chưa được học ở bậc đại học.

## **8. Giải phẫu bệnh**

Giải phẫu bệnh học trang bị cho học viên những kiến thức về hình ảnh đại thể và vi thể của các tổn thương mô, tế bào nói chung cũng như các tổn thương bệnh lý của các cơ quan, bộ phận trong cơ thể. Từ đó, giúp học viên có thể chẩn đoán được một số bệnh lý thường gặp và liên hệ tổn thương giải phẫu bệnh - lâm sàng. Đồng thời, góp phần nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và phục vụ người bệnh được tốt hơn.

## **9. Hồi sức cấp cứu**

Hồi sức cấp cứu là hồi phục và hỗ trợ các chức năng sống của một bệnh nhân đột nhiên bị mắc một bệnh nặng. Khi tiếp xúc với một bệnh nhân cấp cứu, công việc của người thầy thuốc là phải kiểm tra các chức năng sống của bệnh nhân, phát hiện các chức năng bị suy yếu rồi đề ra kế hoạch hồi sức.

## **10. Truyền nhiễm**

Truyền nhiễm là môn học hỗ trợ cho các môn chuyên ngành. Môn học này giúp học viên đạt được các kiến thức, kỹ năng về chẩn đoán và điều trị các bệnh lây nhiễm, đồng thời có thái độ đúng đắn với người mắc bệnh truyền nhiễm. Thông qua đó, tránh bỏ sót chẩn đoán, giúp phân luồng đúng, từ đó điều trị hiệu quả người bệnh và dự phòng được nguy cơ lây nhiễm một số bệnh thường gặp. Vòng luân khoa này cũng giúp học viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp với nhân viên y tế khoa/phòng, với người bệnh và người nhà người bệnh, có khả năng xử lý tình huống trong lâm sàng, thực hành và nâng cao tính chuyên nghiệp.

## **11. Tim mạch**

Bệnh tim mạch ngày càng có xu hướng gia tăng về tỷ lệ mắc và biến cố. Vòng luân khoa tim mạch giúp học viên chẩn đoán, xử trí tốt các cấp cứu tim mạch, bệnh lý tim mạch thường gặp; chẩn đoán, xử trí cơ bản những bệnh tim mạch ít gặp. Đồng thời học viên thực hiện được một số nghiệm pháp, kỹ thuật, thủ thuật trong lâm sàng tim mạch. Song song với đó, khóa học này đào tạo học viên biết lập kế hoạch và thực hiện sàng lọc yếu tố nguy cơ, dự phòng các bệnh và biến cố tim mạch. Vòng luân khoa này cũng giúp học viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp với nhân viên y tế khoa/phòng, với người bệnh và người nhà người bệnh, có khả năng xử lý tình huống trong lâm sàng, thực hành và nâng cao tính chuyên nghiệp.

## **12. Cơ xương khớp**

Vòng luân khoa cơ xương khớp giúp học viên đạt được những kiến thức và kỹ năng cơ bản cũng như chuyên sâu trong chuyên ngành cơ xương khớp. Sau khóa học, học viên có khả năng chẩn đoán, điều trị tốt bệnh cơ xương khớp thường gặp; tiếp cận, chẩn đoán và điều trị cơ bản một số bệnh cơ xương khớp ít gặp. Ngoài ra học viên còn có khả năng làm được một số thủ thuật cơ bản như tiêm nội khớp, tiêm điểm bám gân... Học viên cũng ngày càng hoàn thiện kỹ năng giao tiếp và tính chuyên nghiệp.

## **13. Tiêu hóa**

Học phần tiêu hóa cung cấp cho học viên những kiến thức, kỹ năng tiếp cận, chẩn đoán và xử trí các tình huống cấp cứu tiêu hóa, các bệnh lý tiêu hóa thường gặp, một số bệnh lý tiêu hóa ít gặp. Học viên được đào tạo một số thủ thuật tiêu hóa cơ bản, kiến tập các thủ thuật tiêu hóa chuyên sâu. Ngoài ra, học viên có cơ hội tiếp cận và làm việc trong môi trường nội trú, thích nghi và tuân thủ nội quy, quy chế khoa/phòng/bệnh viện, có cơ hội phát hiện và khắc phục sự cố lỗi hệ thống. Vòng luân khoa này cũng tăng cường và củng cố cho học viên về kỹ năng giao tiếp và tính chuyên nghiệp.

## **14. Hô hấp**

Vòng luân khoa hô hấp giúp học viên tiếp cận, chẩn đoán, điều trị bệnh lý về hô hấp, phát hiện và xử lý các tình huống cấp cứu, thực hiện được các cấp cứu hô hấp thường gặp. Học viên được đào tạo để thực hiện được một số thủ thuật cơ bản về hô hấp, được kiến tập hoặc thực hiện một số thăm dò nâng cao về bệnh lý hô hấp. Ngoài

ra, vòng luân khoa này cũng giúp học viên lập kế hoạch và thực hiện quản lý, điều trị và dự phòng bệnh lý hô hấp mạn tính. Thông qua vòng luân khoa này, học viên tiếp tục rèn luyện và nâng cao tính chuyên nghiệp.

### **15. Huyết học**

Là một trong những chuyên ngành gần, hỗ trợ của lĩnh vực nội khoa, học phần huyết học được lựa chọn để đưa vào đào tạo cho học viên biết sàng lọc, phát hiện, phân luồng bệnh nhân mắc bệnh lý về máu, xử trí được các tình huống cấp cứu, điều trị hỗ trợ những bệnh lý về máu, chuyển đúng tuyến những bệnh nhân mắc bệnh lý về máu nặng nề. Khóa học này cũng đào tạo học viên có khả năng phân loại, chỉ định sử dụng những chế phẩm về máu, có khả năng thực hiện truyền máu, theo dõi và xử trí các tai biến truyền máu. Vòng luân khoa này cũng giúp học viên có kiến thức thực hành sử dụng thuốc chống đông trong các bệnh lý tim mạch. Khả năng giao tiếp và tính chuyên nghiệp cũng được chú trọng ở vòng luân khoa này.

### **16. Thận – Tiết niệu**

Vòng luân khoa Thận - tiết niệu sẽ giúp học viên tiếp cận và xử trí bệnh thận, tiết niệu, thực hiện được một số thủ thuật về thận - tiết niệu cơ bản và nâng cao. Học viên cũng được đào tạo về khả năng phát hiện yếu tố nguy cơ và dự phòng biến chứng thận của các bệnh nội tiết - chuyển hóa.

### **17. Nội tiết**

Có khả năng tiếp cận, chẩn đoán, lập kế hoạch chăm sóc người bệnh mắc bệnh nội tiết - chuyển hóa là mục tiêu đào tạo bác sỹ nội trú của vòng luân khoa này. Ngoài ra sau khi kết thúc vòng luân khoa, học viên nội trú còn có khả năng tầm soát yếu tố nguy cơ, xây dựng và thực hiện kế hoạch phòng chống bệnh. Vòng luân khoa này củng cố và tiếp tục nâng cao kỹ năng giao tiếp, tính chuyên nghiệp của học viên. Học viên cũng có cơ hội tiếp cận hệ thống quản lý, khám chữa bệnh của bệnh viện. Học viên cũng được đào tạo cách tìm kiếm bằng chứng y học và áp dụng lâm sàng.

### **18. Bệnh tâm thần kinh**

Bệnh lý thần kinh – tâm thần ngày càng có xu hướng gia tăng về tỷ lệ mắc và biến cố. Vòng luân khoa thần kinh – tâm thần giúp học viên chẩn đoán, xử trí tốt các bệnh lý thần kinh – tâm thần thường gặp. Đồng thời học viên thực hiện được một số nghiệm pháp, kỹ thuật, thủ thuật trong lâm sàng thần kinh – tâm thần. Song song với đó, khóa học này đào tạo học viên biết lập kế hoạch và thực hiện sàng lọc yếu tố nguy

cơ, dự phòng các bệnh lý thần kinh – tâm thần. Vòng luân khoa này cũng giúp học viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp với nhân viên y tế khoa/phòng, với người bệnh và người nhà người bệnh, có khả năng xử lý tình huống trong lâm sàng, thực hành và nâng cao tính chuyên nghiệp.

#### **19. Lão khoa**

Là 1 trong 2 học phần tự chọn. Già hóa dân số đang là vấn đề cấp bách của toàn cầu không chỉ ở các nước phát triển mà còn là vấn đề của các nước đang phát triển, trong đó Việt Nam là một trong 10 quốc gia có tỉ lệ già hóa dân số nhanh nhất thế giới. Sự già hóa dân số kéo theo sự thay đổi mô hình bệnh tật ở người cao tuổi khiến vấn đề điều trị, quản lý chăm sóc phức tạp và khó khăn hơn. Vòng luân khoa lão khoa giúp học viên chẩn đoán, xử trí, quản lý, điều trị, cách sử dụng thuốc và chăm sóc một số bệnh lý người cao tuổi thường gặp. Vòng luân khoa này cũng giúp học viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp với nhân viên y tế khoa/phòng, với người bệnh và người nhà người bệnh, có khả năng xử lý tình huống trong lâm sàng, thực hành và nâng cao tính chuyên nghiệp.

#### **20. Luận văn**

Quá trình làm luận văn là việc cụ thể hóa một đề tài nghiên cứu khoa học. Học viên được lựa chọn lĩnh vực yêu thích của mình để thiết kế và thực hiện hoàn chỉnh một đề tài chuyên sâu về lâm sàng. Thông qua luận văn, một số kiến thức và kỹ năng chuyên sâu nhất định cũng được đào tạo. Nhưng quan trọng hơn là khả năng thiết kế, thực hiện và công bố một công trình nghiên cứu khoa học. Tính thực tiễn và khoa học của đề tài cũng được chú ý. Hơn nữa, quá trình làm luận văn còn giúp học viên tìm kiếm tài liệu tham khảo, đây chính là quá trình thực hành về lĩnh vực y học dựa trên bằng chứng. Quá trình này, học viên cũng được hướng dẫn cách viết và công bố một công trình nghiên cứu khoa học trên các tạp chí hay các hội thảo trong nước. Khả năng ngoại ngữ cũng được trau dồi trong quá trình thực hiện luận văn.

### **XIII. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo**

Mô tả tóm tắt đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ CTĐT. Có 30 cán bộ/giảng viên, trong đó có 06 Phó giáo sư Tiến sĩ, 14 Tiến sĩ, 14 Thạc sĩ, 6 Thạc sĩ BSCKII, và các giảng viên kiêm nhiệm tại các cơ sở thực hành. Người học học lý thuyết tại các giảng đường của trường Đại học Y Dược Thái Bình và thực tập tại các labo, phòng thí nghiệm; phòng thực hành ngữ âm, phòng thực hành máy tính của Nhà trường. Ngoài ra, người học còn được học thực hành tại Bệnh viện Đa khoa

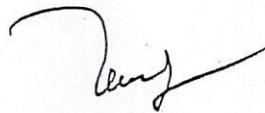
tỉnh Thái Bình, Bệnh viện Đại học Y Thái Bình, Bệnh viện Bạch Mai...Người học được thực hành thu thập số liệu phục vụ đề tài luận văn tốt nghiệp tại cơ quan công tác hoặc được giới thiệu tới các cơ sở thực hành của Nhà trường để thu thập số liệu phục vụ đề tài luận văn tốt nghiệp.

**Bộ môn Nội**  
**Trưởng Bộ môn**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



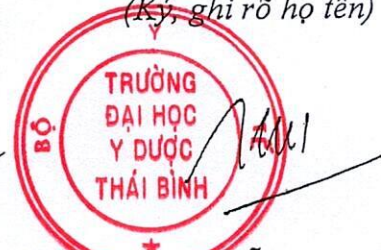
**TS. Vũ Thanh Bình**

**P. QLĐT Sau đại học**  
**Trưởng phòng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**TS. Lê Đức Cường**

**Hiệu trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**PGS.TS. Nguyễn Duy Cường**